Số: 27098/TB-UBND; 16/11/2026; 14:28:06 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN

DANH SÁCH
ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG, TRUY TẶNG"HUY CHƯƠNG THANH NIÊN XUNG PHONG VẺ VANG

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2026 của Uỷ ban nhân dân xã Kiến Hải)

STT	HỌ VÀ TÊN	Ngày tháng năm sinh	Quê quán *(địa danh hành chính khi tham gia TNXP và địa danh hành chính hiện nay)*	Nơi ở hiện nay *(địa danh hành chính hiện nay của TNXP tự kê khai hoặc của thân nhân nếu kê khai hộ)*	Ngày tháng tham gia TNXP	Ngày tháng HTNV	Đơn vị TNXP	Tổng thời gian tham gia TNXP đề nghị xét khen thưởng	Giấy tờ chứng minh
I	**Thời kỳ kháng chiến chống Pháp (15/7/1950 đến 20/7/1954)**								
II.	**Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ (21/7/1954 đến 30/4/1975)**								
a	***Chống đế quốc Mỹ ở Miền Bắc***								
1	Nguyễn Thị Liễu	1/1/1952	Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng nay là xã Kiến Hải, TP Hải	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	5/1967	12/1960	N77P20		QĐ số 1987/QĐ-UBND ngày 14/10/2013 Của UBND thành phố
2	Phạm Thị Thám	21/12/1949	Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng nay là xã Kiến Hải, TP Hải	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	3/1968	12/1970	N77P21	2N9	QĐ số 09/QĐ-LĐTBXH ngày 25/12/2008 Của Sở lao động thương binh xã hội
3	Nguyễn Thị Ngền	1/1/1949	Ngô Quyền, Hải Phòng nay là xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	3/1968	12/1970			QĐ số 382/QĐ-UBND ngày 21/02/2017 Của Sở lao động thương binh xã hội
4	Vũ Thị Thanh	4/7/1951	Kiến Thụy, TP Hải Phòng nay là xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	3/1968	12/1970	N77/P20	2N9	QĐ số 109/QĐ-LĐTBXH ngày 17/12/2008 Của Sở lao động thương binh xã hội
5	Bùi Thị Cẩn	10/13/1953	Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng nay là xã Kiến Hải, TP Hải	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng					QĐ số 2657/QĐ-UBND ngày 01/12/2014 Của UBND thành phố

STT	HỌ VÀ TÊN	Ngày tháng năm sinh	Quê quán *(địa danh hành chính khi tham gia TNXP và địa danh hành chính hiện nay)*	Nơi ở hiện nay *(địa danh hành chính hiện nay của TNXP tự kê khai hoặc của thân nhân nếu kê khai hộ)*	Ngày tháng tham gia TNXP	Ngày tháng HTNV	Đơn vị TNXP	Tổng thời gian tham gia TNXP đề nghị xét khen thưởng	Giấy tờ chứng minh
6	Nguyễn Thị Xoan	3/8/1949	Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng nay là xã Kiến Hải, TP Hải	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng					QĐ số 203/QĐ-UBND ngày 15/01/2014 Của UBND thành phố
7	Bùi Thị Nguyệt	15/011953	Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng nay là xã Kiến Hải, TP Hải	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng					QĐ số 2657/QĐ-UBND ngày 01/12/2014 Của UBND thành phố
8	Đinh Thị Quý	7/24/1940	Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng nay là xã Kiến Hải, TP Hải	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng					QĐ số 2657/QĐ-UBND ngày 01/12/2014 Của UBND thành phố
9	Ngô Thị Thành	1/1/1952	Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng nay là xã Kiến Hải, TP Hải	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng					QĐ số 382/QĐ-UBND ngày 21/02/2017 Của UBND thành phố
10	Nguyễn Thị Chiến	7/12/1949	Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng nay là xã Kiến Hải, TP Hải	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	3/1968	12/1970	N77/P20	2N9	QĐ số 13/QĐ-LĐTBXH ngày 25/12/2008 Của Sở lao động thương binh xã hội
11	Nguyễn Văn Luyến	3/15/1946	Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng nay là xã Kiến Hải, TP Hải	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	3/1968	12/1970	N77/P20	2N9	QĐ số 03/QĐ-LĐTBXH ngày 25/12/2008 Của Sở lao động thương binh xã hội
12	Bùi Thị Thóa	12/26/1945	Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng nay là xã Kiến Hải, TP Hải	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	3/1968	12/1970	N77/P20	2N9	QĐ số 01/QĐ-LĐTBXH ngày 25/12/2008 Của Sở lao động thương binh xã hội
13	Bùi Thị Ngào	5/10/1945	Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng nay là xã Kiến Hải, TP Hải	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	2/1965	12/1967	N99-P25	2N10	QĐ số 118/QĐ-LĐTBXH ngày 17/12/2008 Của Sở lao động thương binh xã hội
14	Trần Văn Tư	12/25/1945	Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng nay là xã Kiến Hải, TP Hải	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	7/1967	12/1970	N77/P20	3N3T	QĐ số 115/QĐ-LĐTBXH ngày 17/12/2008 Của Sở lao động thương binh xã hội
15	Nguyễn Thị Vân	1/1/1948	Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng nay là xã Kiến Hải, TP Hải	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	7/1967	12/1970	N77/P20	3N5T	QĐ số 115/QĐ-LĐTBXH ngày 17/12/2008 Của Sở lao động thương binh xã hội

STT	HỌ VÀ TÊN	Ngày tháng năm sinh	Quê quán *(địa danh hành chính khi tham gia TNXP và địa danh hành chính hiện nay)*	Nơi ở hiện nay *(địa danh hành chính hiện nay của TNXP tự kê khai hoặc của thân nhân nếu kê khai hộ)*	Ngày tháng tham gia TNXP	Ngày tháng HTNV	Đơn vị TNXP	Tổng thời gian tham gia TNXP đề nghị xét khen thưởng	Giấy tờ chứng minh
16	Vũ Thị Hà	9/2/1948	Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng nay là xã Kiến Hải, TP Hải	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng					QĐ số 1987/QĐ-UBND ngày 14/10/2014 Của UBND thành phố
17	Nguyễn Thị Lý	3/20/1953	Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng nay là xã Kiến Hải, TP Hải	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	6/1967	6/1970	N77/P20		QĐ số 1987/QĐ-UBND ngày 14/10/2014 Của UBND thành phố
18	Lê Thị Muôn	7/7/1951	Thụy, thành phố Hải Phòng nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng					QĐ số 1987/QĐ-UBND ngày 14/10/2014 Của UBND thành phố
19	Phạm Thị Thư	12/12/1955	xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng nay là xã Kiến Hải, TP Hải	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng					QĐ số 2657/QĐ-UBND ngày 01/12/2014 Của UBND thành phố
20	Đoàn Thị Nguyệt	5/28/1957	xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng nay là xã Kiến Hải, TP Hải	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng					QĐ số 2657/QĐ-UBND ngày 01/12/2014 Của UBND thành phố
21	Nguyễn Thị Thùy	5/22/1948	Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng nay là xã Kiến Hải, TP Hải	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng					QĐ số 1987/QĐ-UBND ngày 14/10/2014 Của UBND thành phố
22	Đoàn Thị Sòng	5/2/1947	Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng nay là xã Kiến Hải, TP Hải	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng					QĐ số 120/QĐ-UBND ngày 14/01/2015 Của UBND thành phố
23	Bùi thị Hương	8/5/1953	Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng nay là xã Kiến Hải, TP Hải	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng					QĐ số 2657/QĐ-UBND ngày 01/12/2014 Của UBND thành phố
24	Lê Thị Liên	5/5/1945	Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng nay là xã Kiến Hải, TP Hải	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	7/1967	12/1971	N77/P20	4N3T	QĐ số 184/QĐ-LĐTBXH ngày 17/12/2008 Của Sở lao động thương binh xã hội
25	Bùi Thị Lai	8/12/1952	Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng nay là xã Kiến Hải, TP Hải	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	5/1967	12/1970	N77P20		QĐ số 1987/QĐ-UBND ngày 14/10/2014 Của UBND thành phố

STT	HỌ VÀ TÊN	Ngày tháng năm sinh	Quê quán *(địa danh hành chính khi tham gia TNXP và địa danh hành chính hiện nay)*	Nơi ở hiện nay *(địa danh hành chính hiện nay của TNXP tự kê khai hoặc của thân nhân nếu kê khai hộ)*	Ngày tháng tham gia TNXP	Ngày tháng HTNV	Đơn vị TNXP	Tổng thời gian tham gia TNXP đề nghị xét khen thưởng	Giấy tờ chứng minh
26	Bùi Văn Mời	10/25/1940	Thụy, thành phố Hải Phòng nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	6/1967	6/1970	N77P20		QĐ số 1987/QĐ-UBND ngày 14/10/2014 Của UBND thành phố
27	Nguyễn Thị Hải	2/6/1955	Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng nay là xã Kiến Hải, thành phố	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	6/1972	6/1975	C752	3N	Giấy xác nhận Tổng công ty XDCTGT 5 ngày 21/3/2011
28	Phạm Văn Đông	11/10/1955	Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng nay là xã Kiến Hải, TP Hải	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	10/1972	12/1974	N263	2N2T	QĐ số 186/QĐ-LĐTBXH ngày 17/12/2008 Của Sở lao động thương binh xã hội
29	Phạm Thị Quyến	7/10/1950	Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng nay là xã Kiến Hải, TP Hải	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	5/1972	6/1975	C752-757	3N1T	QĐ số 1062/QĐ-LĐTBXH ngày 8/7/2002 Của Sở lao động thương binh xã hội, Giấy xác nhận
30	Phạm văn Ngôi	5/1/1945	Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng nay là xã Kiến Hải, TP Hải	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	2/1965	12/1967	N99-P25	2N10T	QĐ số 119/QĐ-LĐTBXH ngày 17/12/2008 Của Sở lao động thương binh xã hội
31	Đỗ Thị Ngừ	2/1/1950	Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng nay là xã Kiến Hải, TP Hải	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	7/1967	12/1970	N77-720	3N5T	QĐ số 114/QĐ-LĐTBXH ngày 17/12/2008 Của Sở lao động thương binh xã hội
32	Nguyễn Thị Lún	12/5/1948	Kiến Thụy, TP Hải Phòng nay là xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	3/1968	12/1970	N77-720	2N9T	QĐ số 112/QĐ-LĐTBXH ngày 17/12/2008 Của Sở lao động thương binh xã hội
33	Vũ Thị Xâm	1/1/1940	Kiến Thụy, TP Hải Phòng nay là xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	7/1967	12/1969	N77-720	2N5T	QĐ số 104/QĐ-LĐTBXH ngày 17/12/2008 Của Sở lao động thương binh xã hội
34	Đỗ Thị Luân	2/3/1949	Kiến Thụy, TP Hải Phòng nay là xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	3/1968	12/1970	N77-720	2N9T	QĐ số 103/QĐ-LĐTBXH ngày 17/12/2008 Của Sở lao động thương binh xã hội
35	Đặng Thị Nhụ	3/2/1950	Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng nay là xã Kiến Hải, TP Hải	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	3/1968	12/1970	N77-720	2N9T	QĐ số 11/QĐ-LĐTBXH ngày 17/12/2008 Của Sở lao động thương binh xã hội

STT	HỌ VÀ TÊN	Ngày tháng năm sinh	Quê quán *(địa danh hành chính khi tham gia TNXP và địa danh hành chính hiện nay)*	Nơi ở hiện nay *(địa danh hành chính hiện nay của TNXP tự kê khai hoặc của thân nhân nếu kê khai hộ)*	Ngày tháng tham gia TNXP	Ngày tháng HTNV	Đơn vị TNXP	Tổng thời gian tham gia TNXP đề nghị xét khen thưởng	Giấy tờ chứng minh
36	Phạm Thị Lạng	7/9/1949	Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng nay là xã Kiến Hải, TP Hải	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	3/1968	12/1970	N77-720	2N9T	QĐ số 15/QĐ-LĐTBXH ngày 17/12/2008 Của Sở lao động thương binh xã hội
37	Phạm Thị Vuồn	4/20/1950	Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng nay là xã Kiến Hải, TP Hải	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	3/1968	12/1970	N77-720	2N9T	QĐ số 04/QĐ-LĐTBXH ngày 17/12/2008 Của Sở lao động thương binh xã hội
38	Nguyễn Thị Ban	12/1/1959	Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng nay là xã Kiến Hải, TP Hải	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	3/1968	12/1970	N77-720	2N9T	QĐ số 06/QĐ-LĐTBXH ngày 17/12/2008 Của Sở lao động thương binh xã hội
39	Hoàng Thị Thề	22/12/1950	Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng nay là xã Kiến Hải, TP Hải	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	3/1968	12/1970	N77-720	2N9T	QĐ số 08/QĐ-LĐTBXH ngày 17/12/2008 Của Sở lao động thương binh xã hội
40	Vũ Thị Chin	8/15/1948	Kiến Thụy, TP Hải Phòng nay là xã Kiến Hưng, TP Hải Phòng	huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng nay là xã Kiến	4/1965	11/1969			QĐ số 382/QĐ-UBND ngày 21/02/2017 của UBND Thành phố
41	Vũ Thị Thính	6/6/1940	Kiến Thụy, TP Hải Phòng nay là xã Kiến Hưng, TP Hải Phòng	huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng nay là xã Kiến	6/1965	12/1969		4N6T	QĐ số 120/QĐ-UBND ngày 16/01/2015 Của UBND thành phố
b	***Thanh niên Xung phong đơn vị E 371m canh biên giới Quảng Ninh***								
1	Đỗ Thị Hằng	1/10/1956	xã Đoàn Xá, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N3T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
2	Phạm Văn Sáng	8/12/1961	xã Đoàn Xá, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N7T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố

STT	HỌ VÀ TÊN	Ngày tháng năm sinh	Quê quán *(địa danh hành chính khi tham gia TNXP và địa danh hành chính hiện nay)*	Nơi ở hiện nay *(địa danh hành chính hiện nay của TNXP tự kê khai hoặc của thân nhân nếu kê khai hộ)*	Ngày tháng tham gia TNXP	Ngày tháng HTNV	Đơn vị TNXP	Tổng thời gian tham gia TNXP đề nghị xét khen thưởng	Giấy tờ chứng minh
3	Bùi Thị Thu	12/10/1959	xã Đoàn Xá, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N7T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
4	Đào Thị Bưởi	8/6/1958	xã Đoàn Xá, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N11T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
5	Phạm Thị Bào	5/10/1954	xã Đoàn Xá, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng					QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
6	Vũ Thị Nga	2/26/1955	xã Đoàn Xá, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N7T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
7	Bùi Thị Luận	1/1/1957	xã Đoàn Xá, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng					QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
8	Phạm Văn Tuyên	16/02/1960	xã Đoàn Xá, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng					QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố

STT	HỌ VÀ TÊN	Ngày tháng năm sinh	Quê quán *(địa danh hành chính khi tham gia TNXP và địa danh hành chính hiện nay)*	Nơi ở hiện nay *(địa danh hành chính hiện nay của TNXP tự kê khai hoặc của thân nhân nếu kê khai hộ)*	Ngày tháng tham gia TNXP	Ngày tháng HTNV	Đơn vị TNXP	Tổng thời gian tham gia TNXP đề nghị xét khen thưởng	Giấy tờ chứng minh
9	Vũ Thị Luấn	12/20/1961	xã Đoàn Xá, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng					QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
10	Nguyễn Thị Cương	17/02/1954	xã Đoàn Xá, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N3T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
11	Trần Thị Toán	20/9/1957	xã Đoàn Xá, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N3T	QĐ số 2925/QĐ-UBND ngày 07/11/2018 của UBND thành phố
12	Phạm Thị Mạn	26/6/1959	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N3T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
13	Phạm Thị Huyền	3/6/1959	xã Đoàn Xá, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N7T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
14	Phạm Thị Sen	5/3/1954	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2n3T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố

STT	HỌ VÀ TÊN	Ngày tháng năm sinh	Quê quán *(địa danh hành chính khi tham gia TNXP và địa danh hành chính hiện nay)*	Nơi ở hiện nay *(địa danh hành chính hiện nay của TNXP tự kê khai hoặc của thân nhân nếu kê khai hộ)*	Ngày tháng tham gia TNXP	Ngày tháng HTNV	Đơn vị TNXP	Tổng thời gian tham gia TNXP đề nghị xét khen thưởng	Giấy tờ chứng minh
15	Phạm Thị Nhân	17/5/1958	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N3T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
16	Vũ Văn Báo	28/4/1961	xã Đoàn Xá, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng					QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
17	Phạm Văn Pha	5/3/1957	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N5T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
18	Nguyễn Thị Liêm	2/10/1958	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N9	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
19	Đồng Văn Chuyền	9/12/1961	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N3T	QĐ số 2115/QĐ-UBND ngày 26/9/2016 của UBND thành phố
20	Lê Thị Thảo	12/10/1954	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N3T	QĐ số 2925/QĐ-UBND ngày 07/11/2018 của UBND thành phố

STT	HỌ VÀ TÊN	Ngày tháng năm sinh	Quê quán *(địa danh hành chính khi tham gia TNXP và địa danh hành chính hiện nay)*	Nơi ở hiện nay *(địa danh hành chính hiện nay của TNXP tự kê khai hoặc của thân nhân nếu kê khai hộ)*	Ngày tháng tham gia TNXP	Ngày tháng HTNV	Đơn vị TNXP	Tổng thời gian tham gia TNXP đề nghị xét khen thưởng	Giấy tờ chứng minh
21	Dương Văn Ca	18/9/1959	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N3T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
22	Phạm Thị Huệ	20/4/1954	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N3T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
23	Đồng Thị Rựa	2/8/1955	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N3T	QĐ số 3333/QĐ-UBND ngày 05/12/2017 của UBND thành phố
24	Ngô Văn Tiến	25/6/1959	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N3T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
25	Hoàng Văn Sơn	21/01/1959	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N3T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
26	Đồng Thị Ngoan	19/4/1960	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N3T	QĐ số 2115/QĐ-UBND ngày 26/9/2016 của UBND thành phố

STT	HỌ VÀ TÊN	Ngày tháng năm sinh	Quê quán *(địa danh hành chính khi tham gia TNXP và địa danh hành chính hiện nay)*	Nơi ở hiện nay *(địa danh hành chính hiện nay của TNXP tự kê khai hoặc của thân nhân nếu kê khai hộ)*	Ngày tháng tham gia TNXP	Ngày tháng HTNV	Đơn vị TNXP	Tổng thời gian tham gia TNXP đề nghị xét khen thưởng	Giấy tờ chứng minh
27	Đặng Thị Phúc	3/2/1959	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N3T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
28	Nguyễn Thị Thẩm	5/5/1957	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N3T	QĐ số 2115/QĐ-UBND ngày 26/9/2016 của UBND thành phố
29	Nguyễn Văn Khá	1/1/1961	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N7T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
30	Nguyễn Khắc Lăng	1/12/1960	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N3T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
31	Nguyễn Văn Huấn	3/5/1960	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N3T	QĐ số 2115/QĐ-UBND ngày 26/9/2016 của UBND thành phố
32	Phạm Thị Xoa	3/9/1960	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N3T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố

STT	HỌ VÀ TÊN	Ngày tháng năm sinh	Quê quán *(địa danh hành chính khi tham gia TNXP và địa danh hành chính hiện nay)*	Nơi ở hiện nay *(địa danh hành chính hiện nay của TNXP tự kê khai hoặc của thân nhân nếu kê khai hộ)*	Ngày tháng tham gia TNXP	Ngày tháng HTNV	Đơn vị TNXP	Tổng thời gian tham gia TNXP đề nghị xét khen thưởng	Giấy tờ chứng minh
33	Đoàn Thị Hoài	10/7/1961	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N3T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
34	Phạm Thị Huy	3/2/1960	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N3T	QĐ số 2925/QĐ-UBND ngày 07/11/2018 của UBND thành phố
35	Ngô Thị Tuyên	14/10/1955	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N3T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
36	Nguyễn Thị Thầm	10/7/1959	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N7T	QĐ số 2115/QĐ-UBND ngày 26/9/2016 của UBND thành phố
37	Phạm Thị Hiền	15/8/1955	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N2T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
38	Nguyễn Thị Nhỉnh	10/5/1957	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N3T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố

STT	HỌ VÀ TÊN	Ngày tháng năm sinh	Quê quán *(địa danh hành chính khi tham gia TNXP và địa danh hành chính hiện nay)*	Nơi ở hiện nay *(địa danh hành chính hiện nay của TNXP tự kê khai hoặc của thân nhân nếu kê khai hộ)*	Ngày tháng tham gia TNXP	Ngày tháng HTNV	Đơn vị TNXP	Tổng thời gian tham gia TNXP đề nghị xét khen thưởng	Giấy tờ chứng minh
39	Hoàng Thị Tịnh	14/05/1961	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N3T	QĐ số 2115/QĐ-UBND ngày 26/9/2016 của UBND thành phố
40	Đào Thị Cần	9/2/1959	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N3T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
41	Bùi Thị Minh	20/11/1961	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N9T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
42	Đặng Thị Nhịn	4/12/1959	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N3T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
43	Nguyễn Thị Châm	5/9/1955	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N3T	QĐ số 3333/QĐ-UBND ngày 5/12/1957 của UBND thành phố
44	Ngô Văn Quý	1/1/1961	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N3T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố

STT	HỌ VÀ TÊN	Ngày tháng năm sinh	Quê quán *(địa danh hành chính khi tham gia TNXP và địa danh hành chính hiện nay)*	Nơi ở hiện nay *(địa danh hành chính hiện nay của TNXP tự kê khai hoặc của thân nhân nếu kê khai hộ)*	Ngày tháng tham gia TNXP	Ngày tháng HTNV	Đơn vị TNXP	Tổng thời gian tham gia TNXP đề nghị xét khen thưởng	Giấy tờ chứng minh
45	Nguyễn Thị Chà	2/1/1959	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N3T	QĐ số 2115/QĐ-UBND ngày 26/9/2016 của UBND thành phố
46	Nguyễn Thị Vinh	20/2/1961	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N3T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
47	Phạm Thị Soản	8/10/1958	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N3T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
48	Phạm Thị Vân	15/1/1956	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N3T	QĐ số 2115/QĐ-UBND ngày 26/9/2016 của UBND thành phố
49	Phạm Thị Khanh	5/11/1957	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N3T	QĐ số 2925/QĐ-UBND ngày 07/11/2018 của UBND thành phố
50	Nguyễn Thị Mưa	10/10/1960	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N3T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố

STT	HỌ VÀ TÊN	Ngày tháng năm sinh	Quê quán *(địa danh hành chính khi tham gia TNXP và địa danh hành chính hiện nay)*	Nơi ở hiện nay *(địa danh hành chính hiện nay của TNXP tự kê khai hoặc của thân nhân nếu kê khai hộ)*	Ngày tháng tham gia TNXP	Ngày tháng HTNV	Đơn vị TNXP	Tổng thời gian tham gia TNXP đề nghị xét khen thưởng	Giấy tờ chứng minh
51	Hoàng Thị Láng	26/6/1956	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N3T	QĐ số 2925/QĐ-UBND ngày 07/11/2018 của UBND thành phố
52	Đồng Văn Huy	5/1/1958	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N3T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
53	Nguyễn Văn Tiến	7/5/1959	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N3T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
54	Nguyễn Minh Liễu	12/28/1960	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N3T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
55	Đồng Thị Láng	7/6/1948	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N3T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
56	Đặng Thị Hợp	5/8/1959	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N3T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố

STT	HỌ VÀ TÊN	Ngày tháng năm sinh	Quê quán *(địa danh hành chính khi tham gia TNXP và địa danh hành chính hiện nay)*	Nơi ở hiện nay *(địa danh hành chính hiện nay của TNXP tự kê khai hoặc của thân nhân nếu kê khai hộ)*	Ngày tháng tham gia TNXP	Ngày tháng HTNV	Đơn vị TNXP	Tổng thời gian tham gia TNXP đề nghị xét khen thưởng	Giấy tờ chứng minh
57	Nguyễn Thị Sơn	20/4/1962	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N3T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
58	Đồng văn Lận	10/2/1954	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N3T	QĐ số 2925/QĐ-UBND ngày 07/11/2018 của UBND thành phố
59	Nguyễn Thị ven	18/6/1958	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N3T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
60	Ngô Thị Tiến	19/12/1961	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N3T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
61	Đồng Đức Doãn	5/10/1960	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N3T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
62	Trần Thị Hiền	4/9/1957	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N3T	QĐ số 3333/QĐ-UBND ngày 5/12/2017 của UBND thành phố

STT	HỌ VÀ TÊN	Ngày tháng năm sinh	Quê quán *(địa danh hành chính khi tham gia TNXP và địa danh hành chính hiện nay)*	Nơi ở hiện nay *(địa danh hành chính hiện nay của TNXP tự kê khai hoặc của thân nhân nếu kê khai hộ)*	Ngày tháng tham gia TNXP	Ngày tháng HTNV	Đơn vị TNXP	Tổng thời gian tham gia TNXP đề nghị xét khen thưởng	Giấy tờ chứng minh
63	Nguyễn Văn Xưa	3/12/1955	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N1T	QĐ số 2115/QĐ-UBND ngày 26/9/2016 của UBND thành phố
64	Phạm Văn Hiệp	5/12/1961	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N3T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
65	Đồng Thị Bé	20/3/1959	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N3T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
66	Đặng Thị Tía	1/1/1958	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N3T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
67	Bùi Thị Hường	5/2/1957	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N9T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
68	Nguyễn Thị Ân	20/7/1950	xã Tân Trào, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng nay là xã Kiến Hưng , thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N7T	QĐ số 2155/QĐ-UBND ngày 26/9/2016 của UBND thành phố

STT	HỌ VÀ TÊN	Ngày tháng năm sinh	Quê quán *(địa danh hành chính khi tham gia TNXP và địa danh hành chính hiện nay)*	Nơi ở hiện nay *(địa danh hành chính hiện nay của TNXP tự kê khai hoặc của thân nhân nếu kê khai hộ)*	Ngày tháng tham gia TNXP	Ngày tháng HTNV	Đơn vị TNXP	Tổng thời gian tham gia TNXP đề nghị xét khen thưởng	Giấy tờ chứng minh
69	Đồng Thị Hồng	5/1/1957	xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng nay là xã Kiến Hải , thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N7T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
70	Nguyễn Văn Luy	11/10/1957	xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng nay là xã Kiến Hải , thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N7T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
71	Bùi Thị Dương	11/11/1956	xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng nay là xã Kiến Hải , thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N7T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
72	Đồng Thị Dụt	1/1/1953	xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng nay là xã Kiến Hải , thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N7T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
73	Nguyễn Thị Chiên	6/2/1958	xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng nay là xã Kiến Hải , thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N7T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
74	Đồng Xuân Tuyến	20/01/1960	xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng nay là xã Kiến Hải , thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N7T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố

STT	HỌ VÀ TÊN	Ngày tháng năm sinh	Quê quán *(địa danh hành chính khi tham gia TNXP và địa danh hành chính hiện nay)*	Nơi ở hiện nay *(địa danh hành chính hiện nay của TNXP tự kê khai hoặc của thân nhân nếu kê khai hộ)*	Ngày tháng tham gia TNXP	Ngày tháng HTNV	Đơn vị TNXP	Tổng thời gian tham gia TNXP đề nghị xét khen thưởng	Giấy tờ chứng minh
75	Đỗ Văn Đọc	19/6/1960	xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng nay là xã Kiến Hải , thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N7T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
76	Bùi Thị An	1/1/1957	xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng nay là xã Kiến Hải , thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N7T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
77	Đồng Thị Dinh	11/1/1958	xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng nay là xã Kiến Hải , thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N7T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
78	Hoàng Thị Huân	10/6/1960	xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng nay là xã Kiến Hải , thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N7T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
79	Vũ Thị Luyên	9/7/1959	xã Ngũ Đoan, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng nay là xã Kiến Hưng, TP Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N7T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
80	Cao Thị Nghiên	9/11/1958	xã Đại Hà, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng nay là xã Kiến Hưng, TP Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N7T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố

STT	HỌ VÀ TÊN	Ngày tháng năm sinh	Quê quán *(địa danh hành chính khi tham gia TNXP và địa danh hành chính hiện nay)*	Nơi ở hiện nay *(địa danh hành chính hiện nay của TNXP tự kê khai hoặc của thân nhân nếu kê khai hộ)*	Ngày tháng tham gia TNXP	Ngày tháng HTNV	Đơn vị TNXP	Tổng thời gian tham gia TNXP đề nghị xét khen thưởng	Giấy tờ chứng minh
81	Bùi Thị Sáu	25/3/1962	xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng nay là xã Kiến Hải , thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N7T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
82	Bùi Huy Đà	27/11/1960	xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng nay là xã Kiến Hải , thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N7T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
83	Nguyễn Duy Tuyến	19/5/1957	xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng nay là xã Kiến Hải , thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N7T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
84	Nguyễn Thị Chuyên	10/10/1960	xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng nay là xã Kiến Hải , thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N7T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
85	Bùi thị Huế	16/7/1959	xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng nay là xã Kiến Hải , thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N7T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
86	Vũ Thị Thơm	8/12/1957	xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng nay là xã Kiến Hải , thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N7T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố

STT	HỌ VÀ TÊN	Ngày tháng năm sinh	Quê quán *(địa danh hành chính khi tham gia TNXP và địa danh hành chính hiện nay)*	Nơi ở hiện nay *(địa danh hành chính hiện nay của TNXP tự kê khai hoặc của thân nhân nếu kê khai hộ)*	Ngày tháng tham gia TNXP	Ngày tháng HTNV	Đơn vị TNXP	Tổng thời gian tham gia TNXP đề nghị xét khen thưởng	Giấy tờ chứng minh
87	Đỗ Văn Hợi	5/6/1958	xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng nay là xã Kiến Hải , thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N7T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
88	Nguyễn Thị Xuyến	27/8/1959	xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng nay là xã Kiến Hải , thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N7T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
89	Nguyễn Thị Suốt	14/01/1961	xã Cao Minh, huyệnVĩnh Bảo TP Hải Phòng nay là xã Vĩnh am , thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N9T	QĐ số 2115/QĐ-UBND ngày 26/9/2016 của UBND thành phố
90	Phạm Thị Vinh	1/1/1956	xã An Thái, huyện An Lão, TP Hải Phòng nay là xã An Hưng, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N7T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
91	Đặng Thị Tuy	3/1/1960	xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng nay là xã Kiến Hải , thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N6T	QĐ số 2115/QĐ-UBND ngày 26/9/2016 của UBND thành phố
92	Nguyễn Duy Tấn	2/1/1961	xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng nay là xã Kiến Hải , thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N7T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố

STT	HỌ VÀ TÊN	Ngày tháng năm sinh	Quê quán *(địa danh hành chính khi tham gia TNXP và địa danh hành chính hiện nay)*	Nơi ở hiện nay *(địa danh hành chính hiện nay của TNXP tự kê khai hoặc của thân nhân nếu kê khai hộ)*	Ngày tháng tham gia TNXP	Ngày tháng HTNV	Đơn vị TNXP	Tổng thời gian tham gia TNXP đề nghị xét khen thưởng	Giấy tờ chứng minh
93	Phạm Thị Nên	10/12/1954	xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng nay là xã Kiến Hải , thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N8T	QĐ số 3333/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
94	Đặng Thị Ly	2/8/1959	xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng nay là xã Kiến Hải , thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N7T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
95	Đỗ Đức Cảnh	19/2/1961	xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng nay là xã Kiến Hải , thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N7T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
96	Bùi Thị The	16/10/1961	xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng nay là xã Kiến Hải , thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N7T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
97	Ngô Quang Nhẫn	10/8/1958	xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng nay là xã Kiến Hải , thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N7T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
98	Nguyễn Thị Tuyến	2/5/1960	xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng nay là xã Kiến Hải , thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N7T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố

STT	HỌ VÀ TÊN	Ngày tháng năm sinh	Quê quán *(địa danh hành chính khi tham gia TNXP và địa danh hành chính hiện nay)*	Nơi ở hiện nay *(địa danh hành chính hiện nay của TNXP tự kê khai hoặc của thân nhân nếu kê khai hộ)*	Ngày tháng tham gia TNXP	Ngày tháng HTNV	Đơn vị TNXP	Tổng thời gian tham gia TNXP đề nghị xét khen thưởng	Giấy tờ chứng minh
99	Vũ Thị Vòong	1/11/1960	xã Ngũ Đoan, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng nay là xã Kiến Hưng, TP Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N7T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
100	Nguyễn Thị Mỳ	2/7/1959	xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng nay là xã Kiến Hải , thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N7T	QĐ số 2925/QĐ-UBND ngày 7/11/2018 của UBND thành phố
101	Nguyễn Thị Song	3/10/1958	xã Minh Tân, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng nay là xã Kiến Minh , thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N7T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
102	Phạm Thị Túc	17/9/1960	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng nay là xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N7T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
103	Phùng Thị Mạc	10/1/1960	xã Minh Tân, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng nay là xã Kiến Minh , thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N9T	QĐ số 3333QĐ-UBND ngày 5/12/2017 của UBND thành phố
104	Lương Quang Thư	1/1/1951	xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng nay là xã Kiến Hải , thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N7T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố

STT	HỌ VÀ TÊN	Ngày tháng năm sinh	Quê quán *(địa danh hành chính khi tham gia TNXP và địa danh hành chính hiện nay)*	Nơi ở hiện nay *(địa danh hành chính hiện nay của TNXP tự kê khai hoặc của thân nhân nếu kê khai hộ)*	Ngày tháng tham gia TNXP	Ngày tháng HTNV	Đơn vị TNXP	Tổng thời gian tham gia TNXP đề nghị xét khen thưởng	Giấy tờ chứng minh
105	Trần Thị Lá	19/12/1955	xã Tân Trào, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng nay là xã Kiến Hưng , thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N7T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
106	Bùi Huy Tống	2/5/1953	xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng nay là xã Kiến Hải , thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N7T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
107	Nguyễn Duy Phúc	4/8/1959	xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng nay là xã Kiến Hải , thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N7T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
108	Đinh Thị Là	18/01/1960	xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng nay là xã Kiến Hải , thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N7T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
109	Vũ Thị Là	11/10/1958	xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng nay là xã Kiến Hải , thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N4T	QĐ số 2559/QĐ-UBND ngày 19/11/2014 của UBND thành phố
110	Đồng Thị Từ	23/3/1958	xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng nay là xã Kiến Hải , thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N7T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố

31	Nguyễn Văn Huấn	3/5/1960	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N3T	QĐ số 2115/QĐ-UBND ngày 26/9/2016 của UBND thành phố
59	Nguyễn Thị ven	18/6/1958	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N3T	QĐ số 3034/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố
61	Nguyễn Thị Hiền	4/9/1962	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	Xã Kiến Hải, TP Hải Phòng				2N3T	QĐ số 3333/QĐ-UBND ngày 05/12 của UBND thành phố

		Tổng	Tặng	Truy tặng	Tặng	Truy tặng	Tổng	
		254	0		0	0		0
1	đoàn xá	41						
3	tân phong	62						
4	tú sơn	81						
15	đại hợp	70						
		41						